TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2017/DS-PT
Ngày: 21/9/2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, ông Trương Công Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2017/TLPT-DS ngày 25/8/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 12/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Krông Ana bị kháng cáo, kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2017/QĐ-PT ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác Q), sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh P, sinh năm 1960

Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện F, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thị G - Văn phòng Luật sư X thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Buôn Y, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

5. Người làm chứng:

Bà Hoàng Phương L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện F, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

6. Người kháng cáo: Ông Phạm Minh P là bị đơn trong vụ án.

7. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Ngày 16/5/2011, ông có cho ông Phạm Minh P vay số tiền 253.595.000 đồng, hẹn đến ngày 16/5/2013 trả nợ. Khi vay có viết giấy vay tiền, ông P ký xác nhận vào nội dung phía bên vay. Có ông Nguyễn Trung Đ ký bên người làm chứng, còn bà Hoàng Phương L (vợ của ông P) ký sau đó mấy ngày và cũng ký bên người làm chứng.

Đến hạn ông P không trả tiền gốc mà chỉ có trả cho ông được 6.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó ông đã đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng ông P vẫn không trả nợ cho ông, vào ngày 28/3/2016 ông P có viết giấy hẹn nợ cho ông và ông Đ hẹn 2 tháng 15 ngày (2,5 tháng) sau sẽ trả cho ông nhưng đến nay vẫn không trả. Do vậy, ông làm đơn đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Minh P, phải trả cho ông số tiền gốc là 253.595.000 đồng, tiền lãi tính 1%/tháng/triệu và tính từ ngày ông P vay tiền ngày 16/5/2011 đến ngày 16/5/2013 là 24 tháng, nên tiền lãi sẽ là (253.595.000đ x 1% x 24 tháng = 60.862.000 đồng) được khấu trừ 6.000.000 đồng mà ông P đã trả trước cho ông. Nay ông yêu cầu ông P trả cho ông số tiền lãi 54.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 307.595.000 đồng, đồng thời ông không yêu cầu bà Hoàng Phương L (vợ của ông P) có nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H còn trình bày: Số tiền 253.595.000 đồng mà ông P ký giấy vay tiền của ông, thực tế ông đã giao số tiền này cho ông Đ từ hai ngày trước, do ông Đ nói là ông P trả nợ cho ông Đ nên ông không giao số tiền này cho ông P.

*** Bị đơn ông Phạm Minh P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:**

Ông P không trực tiếp vay tiền của ông Nguyễn Văn H, nhưng năm 2010 ông P có vay của ông thông gia là ông Nguyễn Trung Đ, số tiền gốc là 210.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi trả nợ cho Ngân hàng xong thì Ngân hàng cho vợ chồng ông P vay lại số tiền gốc 150.000.000 đồng, ông P trả cho ông Đ 135.000.000 đồng để khấu trừ bớt số nợ 210.000.000 đồng. Sau đó, ông P có trả cho ông Đ thêm 02 lần được 6.000.000 đồng. Tổng số tiền ông P đã trả cho ông Đ là 141.000.000 đồng, khi vay tiền và trả tiền cho ông Đ các bên không làm giấy tờ, đến nay gia đình ông còn nợ ông Đ là 69 triệu tiền mặt và hai thùng dầu tưới.

Đến ngày 16/5/2011 ông P có ký vào giấy vay tiền của ông Nguyễn Văn H, nội dung trong giấy vay tiền ghi "Tên tôi là Phạm Minh P có vay của ông Nguyễn Văn H, trú tại thôn A, xã B, huyện C, tổng số tiền 253.595.000 đồng lãi suất thoả

thuận 30.000 đồng/tháng/triệu, thời gian 6 tháng trả lãi một lần, thời hạn vay 24 tháng, hạn trả nợ ngày 16/5/2013". Ông P xác định chữ ký và chữ viết Phạm Minh P bên vay tiền đúng là chữ ký, chữ viết của ông, phía dưới có chữ ký của vợ ông bà Hoàng Phương L và ông Nguyễn Trung Đ ký bên người làm chứng. Tuy nhiên, ông P không trực tiếp nhận tiền của ông H. Lý do ông P ký vào giấy vay tiền được lập ngày 16/5/2011 của ông H là do ông Đ nói số tiền ông Đ cho ông P vay là số tiền của ông Nguyễn Văn H (tên thường gọi là Q) chứ không phải tiền của ông Đ nên ông P đã ký giấy vay tiền với ông H, chứ thực tế ông P không nhận tiền từ ông H và đến nay ông P cũng chưa trả cho ông H được đồng lãi nào.

Ý kiến của ông P tại cấp sơ thẩm: Việc ông H khởi kiện ông P là không đúng và ông P không đồng ý trả nợ cho ông H. Nếu ông P phải trả tiền cho ông H, thì ông Đ không được kiện đòi ông P nữa, chứ không thể ông P vừa phải trả tiền cho ông H vừa phải trả tiền cho ông Đ.

Ý kiến của ông P tại phiên tòa phúc thẩm: Ông không đồng ý trả nợ cho ông H số tiền 253.595.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất phát sinh, vì ông không được nhận tiền của ông H, số tiền này do ông Đ nhận nên ông Đ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H, đối với giấy hẹn nợ ghi ngày 28/3/2016 thì ông hẹn trả nợ cho ông Đ. Ngoài ra, đến nay gia đình ông chỉ còn nợ ông Đ là 69 triệu tiền mặt và hai thùng dầu tưới, việc ông Đ trình bày gia đình ông còn nợ ông Đ 253.595.000 đồng là không đúng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Đ trình bày**:

Ông với vợ chồng ông Phạm Minh P, bà Hoàng Phương L là thông gia (con trai ông kết hôn với con gái ông P, bà L), còn ông với ông Nguyễn Văn H là anh em kết nghĩa. Ngày 23/10/2010 ông P có vay của ông số tiền gốc là 210.000.000 đồng, khi vay không viết giấy tờ gì, chỉ thoả thuận bằng miệng là sau khi ông P vay tiền Ngân hàng thì ông P phải trả lại cho ông Đ. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ cho ông P vay được 150.000.000 đồng nên ông P đã trả cho ông được 135.000.000 đồng. Như vậy, tại thời điểm này ông P còn nợ ông số tiền gốc 75.000.000 đồng, nhưng thời gian sau đó ông lại tiếp tục cho vợ chồng ông P vay tiền để đầu tư sản xuất, thuê máy múc ao, mua ống nước, mua xăng dầu và khi ông cho ông P vay tiền cũng không làm giấy tờ. Sau đó, ông và ông P tính toán với nhau thì ông P còn nợ ông với tổng số tiền 253.595.000 đồng. Do vậy, ông đã giới thiệu cho ông P vay của ông H số tiền 253.595.000 đồng để ông P trả nợ cho ông, ông P đồng ý.

Ngày 16/5/2011 ông H cho ông P vay số tiền 253.595.000 đồng, ông Đ là người trực tiếp viết giấy vay tiền giúp ông P và ông H. ông Phái đã ký xác nhận vào bên vay tiền, còn ông và vợ ông P là bà Hoàng Phương L ký bên người làm chứng (mấy ngày sau bà L mới ký tên). Tuy nhiên, số tiền ông P vay của ông H thì ông P đồng ý cho ông Đ nhận luôn để trừ nợ của ông Đ, đồng thời ông P cũng không phản

ứng gì. Ông Đ xác định số tiền 253.595.000 đồng ông P ký vay của ông H ngày 16/5/2011 với mục đích là để trả nợ cho ông Đ.

Vì ông P đã trả xong nợ cho ông Đ nên ông Đ đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là buộc ông P có trách nhiệm trả nợ cho ông H 253.595.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi phát sinh.

*** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bà Hoàng Phương L trình bày**:

Bà không vay tiền của ông Nguyễn Văn H, còn việc ông Phạm Minh P (chồng bà) có vay tiền của ông H hay không, vay để sử dụng vào mục đích gì bà L không biết, bà có đi trả tiền nợ cho ông Đ hai lần là 6000.000 đồng và không có việc trả tiền lãi cho ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

2. Buộc ông Phạm Minh P phải trả cho ông Nguyễn Văn H, tổng số tiền 307.595.000đ *(Ba trăm lẻ bảy triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng)*, trong đó tiền gốc là 253.595.000 đồng, tiền lãi 54.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc bà Hoàng Phương L phải trả nợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc 253.595.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Minh P phải chịu 15.379.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H 6.340.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040488 ngày 22/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện F.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2017 ông Phạm Minh P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Ngày 26/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ/KNPT - VKS- DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana. Đề

nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả số tiền gốc cho nguyên đơn, tính lại thời hiệu khởi kiện và tính lại số tiền lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Phạm Minh P và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể ông P không chấp nhận trả nợ cho ông H, vì ông P không có nhận tiền từ ông H. Đối với khoản nợ của ông Đ là 69.000.000 đồng tiền mặt và hai thùng dầu tưới thì ông P và ông Đ sẽ tự giải quyết với nhau. Còn việc ông Đ cho rằng ông P còn nợ ông Đ 253.595.000 đồng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Đ giữ nguyên ý kiến là buộc ông P có trách nhiệm trả nợ cho ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Về phần thủ tục tố tụng: Kể từ khi thu lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận việc thay đổi nội dụng kháng nghị và chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P - Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Vợ chồng ông Phạm Minh P, bà Hoàng Phương L là thông gia với ông Nguyễn Trung Đ nên ông P đã vay tiền của ông Đ nhiều lần, tính đến ngày 16/5/2011 theo ông Nguyễn Trung Đ thì vợ chồng ông P còn nợ ông Đ với số tiền là 253.595.000 đồng nên ông Đ giới thiệu ông P vay tiền của ông Nguyễn Văn H để trả nợ cho ông Đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông P chỉ thừa nhận đến nay ông còn nợ ông Đ là 69.000.000 đồng tiền mặt và hai thùng dầu tưới.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, thì thấy: Xét giấy vay tiền ghi ngày 16/5/2011 do ông Đ viết tại nhà ông P có nội dung là ông Nguyễn Minh P có vay tiền của ông Nguyễn

Văn H với số tiền là 253.595.000 đồng và được ông P thừa nhận là chữ ký của ông P nhưng ông P không được nhận số tiền này. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H và ông Đ đều thừa nhận số tiền 253.595.000 đồng của ông H thì ông H đã giao cho ông Đ trước ngày 16/5/2011 (ngày viết giấy vay tiền) là hai ngày (tức là ngày 14/5/2011) tại nhà ông H, sau đó mới đến nhà ông P để ông P ký giấy vay tiền. Như vậy, có cơ sở khẳng định mặc dù ông P có ký giấy vay tiền 253.595.000 đồng của ông H nhưng ông P không được nhận, mà số tiền này do ông Đ nhận từ trước đó mà không giao lại cho ông P, do đó ông P không vay tiền của ông H nên ông Đ có trách nhiệm trả số tiền này cho ông H.

Xét ý kiến của ông Nguyễn Trung Đ cho rằng: Do ông P còn nợ ông số tiền 253.595.000 đồng nên ông đã thỏa thuận bằng miệng với ông P để ông P vay tiền của ông H 253.595.000 đồng và ông P lấy số tiền này trả lại cho ông nên ông đã lấy số tiền này từ ông H trước đó hai ngày, đến ngày 16/5/2011 cho ông P ký giấy vay tiền của ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Minh P không chấp nhận trả nợ cho ông H, vì ông P không có nhận tiền từ ông H và cũng không có việc thỏa thuận với ông Đ, hiện nay ông chỉ còn nợ ông Đ là 69.000.000 đồng tiền mặt và hai thùng dầu tưới, khi trả 6.000.000 đồng thì ông trả cho ông Đ và viết giấy khất nợ với ông Đ nên ông chỉ có nghĩa vụ trả nợ còn thiếu cho ông Đ.

Qua lời trình bày của các bên đương sự và căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thì thấy, vào ngày 14/5/2011 ông H cho ông Đ vay 253.595.000 đồng nhưng không viết giấy tờ gì, đến ngày 16/5/2011 (tức sau hai ngày) ông P có ký giấy vay tiền của ông H nhưng không được nhận tiền do ông Đ đã nhận tiền của ông H từ trước đó nên giao dịch hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự là không đúng với quy định tại Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Đến ngày 28/3/2016 khi ông Đ và ông H đến đòi nợ thì ông P đã viết giấy hẹn nợ đối với ông Đ, vì ông còn nợ ông Đ. Về sự thỏa thuận giữa ông Đ và ông P mà ông Đ cho rằng ông P vay tiền của ông H để trả nợ cho ông Đ nhưng không được ông P thừa nhận nên việc chuyển giao nghĩa vụ giữa ông Đ và ông P trả nợ cho ông H là không được ông P chấp nhận, đối với số tiền 6.000.000 đồng thì ông P và vợ ông P là bà Hoàng Phương L xác định đó là số tiền để trả bớt nợ cho ông Đ và trực tiếp trả cho ông Đ. Do đó, việc các bên chuyển giao quyền yêu cầu và thực hiện nghĩa vụ thay thế là chưa thỏa mãn theo quy định tại Điều 296, Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặt khác, đối với khoản nợ giữa ông Đ với ông P cũng chưa được làm rõ. Như vậy, người vay tiền của ông H là ông Đ nên ông Đ có trách nhiệm trả lại cho ông H. Cho nên cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Minh P trả nợ.

Đối với các khoản vay nêu trên giữa ông H với ông Đ và giữa ông Đ với ông P. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, nếu có yêu cầu ông H có quyền làm đơn khởi kiện ông Đ để ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho ông H, còn ông Đ có quyền khởi kiện đối với ông P để ông P có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ bằng vụ án dân sự khác thì mới đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do bác đơn khởi kiện nên ông H phải chịu án phí theo quy định, ông P không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận đơn kháng cáo nên ông P không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P.

- Chấp nhận Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi nội dung kháng nghị tại phiên tòa.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn ông Phạm Văn P về vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 12.679.000đ (mười hai triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.340.000đ (sáu triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0040488 ngày 22/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện F. Như vậy, ông Nguyễn Văn H còn phải nộp số tiền là 6.339.000đ (sáu triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng).

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Minh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà ông Phạm Minh P đã nộp theo biên lai thu số 0004042 ngày 31/7/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện F.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- CCTHADS huyện F;
- Đương sự;
- ….;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr